

Số: **412** /BKHDĐT-TCTT
v/v tổng kết, đánh giá thực hiện các
CTMTQG giai đoạn 2016-2020 và đề
xuất cho giai đoạn 2021-2025

Hà Nội, ngày **20** tháng 01 năm 2020


Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; tiếp theo văn bản số 5743/BKHĐT-TH ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết việc thực hiện kế hoạch tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 như sau:


1. Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và đề xuất chương trình thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 theo phụ lục Đề cương Báo cáo kèm công văn này.¹

2. Đánh giá các cơ chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia áp dụng trong giai đoạn 2016-2020 và đề xuất cơ chế quản lý, điều hành cho giai đoạn 2021-2025.

3. Thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 trên Hệ thống quản lý đầu tư công và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các chủ chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trước ngày 15 tháng 4 năm 2020.²

Để kịp thời gian tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền, đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện các nội dung nêu trên theo đúng thời hạn./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TTgCP Vương Đình Huệ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan Trung ương: TC, NN&PTNT, LĐTBXH, TTTT, UBDT;
- Các Vụ: LDVX, KTN, KTĐPLT, THKTQD;
- Trung tâm tin học Bộ;
- Lưu: VT, TCTT 

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG




Trần Quốc Phương

¹ Thông tin chi tiết về Đề cương Báo cáo có thể tra cứu trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc xin vui lòng liên hệ với Vụ Tài chính, tiền tệ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại số điện thoại: 080.44215/080.43956 hoặc địa chỉ email: taichinh_tiente@mpi.gov.vn.

² Thông tin chi tiết về kỹ thuật thực hiện công tác báo cáo trên Hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước, xin vui lòng liên hệ với Trung tâm tin học Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại số máy: 080.43500/02473.000.218 hoặc qua địa chỉ email: dautucong@mpi.gov.vn.



Phụ lục

ĐỀ CƯƠNG

Áp dụng cho cơ quan thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương
(Phụ lục kèm theo văn bản số **412** /BKHDĐT-TCTT ngày **20** tháng 01 năm 2020
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và
đề xuất các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia các cấp.
 - Vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo các cấp.
 - Đánh giá mô hình tổ chức hoạt động Ban Chỉ đạo tại địa phương; công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện từng chương trình.
2. Khung khổ pháp luật quản lý, điều hành và văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
 - Kết quả ban hành văn bản quản lý, điều hành cấp địa phương theo quy định tại Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia được ban hành kèm theo Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.
 - Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong áp dụng các chính sách quản lý, điều hành đã ban hành đối với nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện từng chương trình (bao gồm: (i) cơ chế quản lý, điều hành chung; các quy định về: quản lý đầu tư, quản lý sử dụng kinh phí từng chương trình; các quy định riêng về điều hành thực hiện từng chương trình do Trung ương ban hành; (ii) hiệu quả các chính sách đặc thù do địa phương xây dựng).
3. Công tác truyền thông, thông tin về chương trình mục tiêu quốc gia.
 - Kết quả thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững. Đánh giá hiệu quả của các phong trào thi đua đối với thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
 - Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, trong

đó cần nêu bật những giải pháp nâng cao chất lượng công tác truyền thông, thông tin về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững đã thực hiện tại địa phương. Đánh giá hiệu quả công tác truyền thông, thông tin đối với thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đánh giá kết quả, hiệu quả công tác đào tạo, tập huấn (làm rõ thuận lợi, khó khăn đối với chính sách đào tạo, tập huấn cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, công tác giảm nghèo hiện tại).

4. Hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Giải pháp cụ thể thực hiện công tác theo dõi, giám sát thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đánh giá hiệu quả công tác theo dõi, giám sát, đánh giá đối với thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại các cấp ở địa phương, đặc biệt việc thực hiện chế độ báo cáo theo các Bộ chỉ số theo dõi, giám sát do các cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia triển khai thực hiện.

- Kết quả giám sát từ cộng đồng người dân trong tổ chức thực hiện từng chương trình. Đánh giá vai trò của người dân trong tham gia giám sát thực hiện công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện từng nội dung, dự án thành phần của từng chương trình (từ khâu lập kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch, nghiệm thu kết quả thực hiện và sử dụng kết quả thực hiện).

- Kết quả thực hiện các kiến nghị, kết luận của Kiểm toán nhà nước về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Công tác huy động nguồn lực, quản lý và sử dụng nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Huy động nguồn lực:

- Kết quả huy động nguồn lực, bao gồm: nguồn cân đối bố trí từ NSNN (nguồn hỗ trợ từ NSTW³, nguồn vốn đối ứng từ NSDP, nguồn vốn nước ngoài hòa đồng NSNN); nguồn vốn tín dụng; nguồn huy động khác (bao gồm cả hiện vật, sức lao động của người dân tham gia được quy đổi ra tiền).

- Các giải pháp lồng ghép (liệt kê cụ thể kết quả lồng ghép các chương trình, dự án) nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Đánh giá hiệu quả công tác lồng ghép, những khó khăn trong thực hiện lồng ghép.

- Các giải pháp huy động nguồn lực khác đã áp dụng tại địa phương. Nêu bật những giải pháp phát huy hiệu quả tích cực tới thu hút nguồn lực cho thực hiện xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững tại địa phương.

b) Quản lý và sử dụng nguồn lực:

- Nguồn ngân sách nhà nước: đánh giá cụ thể việc thực hiện các thủ tục đầu tư, công tác thanh toán, giải ngân nguồn vốn đầu tư; công tác chi tiêu nguồn vốn sự nghiệp (trong đó, làm rõ tỷ lệ sử dụng cho thực hiện các chương trình, tỷ lệ không sử dụng hoặc sử dụng sai quy định phải nộp trả ngân sách nhà nước).

³ Các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương không được hỗ trợ từ NSTW theo quy định thì không phải thực hiện nội dung đánh giá đối với nguồn vốn NSTW.

- Nguồn vốn tín dụng: đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách tín dụng cho vay thực hiện từng nội dung, nhiệm vụ, dự án của từng chương trình mục tiêu quốc gia (làm rõ đối tượng thụ hưởng, số hộ được thụ hưởng cho từng nội dung, nhiệm vụ, dự án thuộc từng chương trình). Đánh giá việc sử dụng và hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách (tỷ lệ thu hồi vốn, nợ quá hạn, nợ không thu hồi,...).

- Nguồn huy động khác: đánh giá công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn này tại địa phương.

c) Kết quả thu hồi nợ ứng nguồn NSTW và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

- Kết quả bố trí nguồn vốn hoàn trả nợ ứng NSTW trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Kết quả xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới (trong đó, làm rõ số đã thực bố trí thanh toán nợ xây dựng cơ bản; số đã thu xếp kế hoạch nhưng chưa thực bố trí thanh toán nợ xây dựng cơ bản).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới.

a) Kết quả thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới:

- Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới, bao gồm các chỉ tiêu: số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới; số đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân/xã; số xã đạt dưới 5 tiêu chí và các chỉ tiêu khác.

- Kết quả thực hiện tiêu chí nâng cao, như: số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, số khu dân cư kiểu mẫu, ...

b) Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới:

Đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới:

Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Kết quả thực hiện các chương trình, đề án đặc thù trong xây dựng nông thôn mới.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững.

a) Kết quả thực hiện mục tiêu về giảm nghèo, bao gồm:

- Kết quả thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo (chi tiết theo huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn).

- Kết quả thực hiện mục tiêu tăng thu nhập các hộ nghèo, hộ cận nghèo (đánh giá so với kết quả thực hiện đầu giai đoạn).

- Kết quả thực hiện mục tiêu đưa các địa bàn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

- Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể khác theo Khung kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

b) Kết quả thực hiện từng dự án thành phần thuộc Chương trình:

- Dự án Chương trình 30a: đánh giá hiệu quả (đặc biệt là hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội tại, cải thiện và nâng cao thu nhập cho người dân) thực hiện các nội dung: (i) đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các huyện nghèo; (ii) đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; (iii) hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; (iv) hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

- Dự án Chương trình 135: đánh giá hiệu quả (đặc biệt là hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao thu nhập cho người dân) thực hiện các nội dung: (i) hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn; (ii) hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo tại các địa bàn đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn; (iii) nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu và thôn bản đặc biệt khó khăn.

- Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135, bao gồm: các mô hình giảm nghèo (mô hình điển hình); hiệu quả cải thiện và tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia Chương trình.

- Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin, bao gồm: (i) kết quả xây dựng và thực hiện các sản phẩm truyền thông về giảm nghèo, mạng lưới cán bộ tuyên truyền về giảm nghèo các cấp; (ii) kết quả trang bị và hiệu quả tiếp cận các thông tin về chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước của người dân trên từng địa bàn thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình.

- Dự án Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, bao gồm: kết quả thực hiện công tác nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo; công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

c) Kết quả thực hiện từng chính sách giảm nghèo:

Đánh giá kết quả cụ thể theo từng chính sách và đóng góp của chính sách trong thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, như: chính sách mua thẻ bảo hiểm y tế; chính sách hỗ trợ học sinh nghèo về giáo dục; chính sách hỗ trợ các đối tượng chính sách;

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN.

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

a) Những đóng góp của chương trình mục tiêu quốc gia vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội:

- Hiệu quả kinh tế - xã hội của các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đóng góp vào thực hiện các Nghị quyết Trung ương, Quốc hội và Chính phủ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, giảm nghèo bền vững.

b) Hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia:

- Hiệu quả chỉ đạo, điều hành của Ban Chỉ đạo các cấp.

- Hiệu quả công tác điều phối, phối hợp và trách nhiệm của cơ quan thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia các cấp.

- Tăng cường công tác chỉ đạo tuyến trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyên môn của ngành, lĩnh vực.

- Hiệu quả công tác thông tin, truyền thông.

- Hiệu quả tăng cường theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình.

c) Kết quả nổi bật trong thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia.

- Kết quả huy động nguồn lực.

- Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ.

- Kết quả thực hiện đề án, nhiệm vụ, chính sách đặc thù.

d) Những đánh giá khác.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

I. ĐỀ XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương giai đoạn 2021-2025.

2. Đề xuất các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Lý do đề xuất.

- Số lượng và tên các chương trình cụ thể.

- Mục tiêu, nhiệm vụ từng chương trình.

- Đề xuất thiết kế nội dung, nguồn lực (bao gồm: đề xuất hỗ trợ từ NSTW, kế hoạch bố trí từ NSDP, huy động nguồn vốn tín dụng và nguồn lực khác) và đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ chương trình.

II. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Đề xuất giải pháp quản lý, điều hành

Đề xuất cơ chế quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện từng chương trình (đề xuất trên cơ sở đánh giá các cơ chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình trong giai đoạn 2016-2020).

2. Đề xuất giải pháp huy động và sử dụng nguồn lực

- Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp huy động và phân bổ nguồn lực (vốn) thực hiện các chương trình.

- Đề xuất cơ chế quản lý nguồn lực, các quy định về thủ tục đầu tư để tổ chức thực hiện từng chương trình. Trường hợp có đề xuất cơ chế đặc thù riêng áp dụng tại địa phương, cần làm rõ sự cần thiết và tính đặc thù của cơ chế đề xuất.

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ KHÁC (nếu có)

Phụ lục 1 kèm theo Đề cương Báo cáo

KẾT QUẢ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Văn bản cấp Trung ương ban hành được áp dụng tại địa phương

- Thống kê toàn bộ các văn bản được địa phương áp dụng trong quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thông tin cần thống kê: số hiệu, tên và cấp ban hành văn bản.

2. Văn bản cấp tỉnh ban hành về quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương

- Thống kê toàn bộ các văn bản do cấp tỉnh ban hành và áp dụng trong quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.

- Thông tin cần thống kê: số hiệu, tên và cấp ban hành văn bản.

- Phân loại văn bản theo các nội dung:

(1) Văn bản giao kế hoạch thực hiện các chương trình (kế hoạch giai đoạn 5 năm, kế hoạch hằng năm).

(2) Văn bản quy định về phân cấp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

(3) Văn bản quy định về thực hiện lồng ghép các nguồn vốn tại địa phương trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

(4) Văn bản quy định về sử dụng nguồn vốn huy động khác tại địa phương.

(5) Văn bản quy định về các chính sách đặc thù của địa phương.

(6) Văn bản quy định về công tác kiện toàn BCD cấp tỉnh.

Phụ lục 2 kèm theo Đề cương Báo cáo

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020

STT	Chương trình	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao (Thủ tướng Chính phủ hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)	Thực hiện mục tiêu trong giai đoạn 5 năm (hoặc đến thời điểm báo cáo)						Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu
				2016	2017	2018	2019	2020	Tổng giai đoạn	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới									
1.1	Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới									
a	Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới									
	- Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	xã								
	- Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%								
b	Bình quân số tiêu chí xây dựng nông thôn mới đạt trên 01 đơn vị xã	số tiêu chí/01 xã								
c	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	huyện								
d	Xã đạt dưới 05 tiêu chí	xã								
1.2	Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao									

STT	Chương trình	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao (Thủ tướng Chính phủ hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)	Thực hiện mục tiêu trong giai đoạn 5 năm (hoặc đến thời điểm báo cáo)						Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu
				2016	2017	2018	2019	2020	Tổng giai đoạn	
	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã								
1.3	Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016									
1.4	Kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ- TTg ngày 05/4/2016									
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững									
1.1	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm	%								
1.2	Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo Khung kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016									

Phụ lục 3 kèm theo Đề cương Báo cáo

**KẾT QUẢ HUY ĐỘNG, PHÂN BỐ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN
CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao					Kết quả huy động nguồn vốn trong giai đoạn 5 năm (từ đầu giai đoạn đến năm thực hiện báo cáo)										Kết quả phân bổ và sử dụng nguồn vốn huy động trong giai đoạn 5 năm (từ đầu giai đoạn đến năm thực hiện báo cáo)										Ghi chú	
		Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Tổng cộng							Tổng cộng	Tổng cộng												
			NSNN					Trong đó:								NSNN												
			NSTW					NSDP				Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay		NSTW				NSDP				TP CP	Vốn huy động	Vốn lồng ghép		Vốn vay
			DTPT		SN			DTPT		SN						DTPT		SN		DTPT		SN						
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước					Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước							
TP CP																												
	TỔNG SỐ																											
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới																											
1.1	Quy hoạch xây dựng NTM																											
1.2	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội																											
1.3	Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân																											
1.4	Giảm nghèo và an sinh xã hội																											
1.5	Phát triển giáo dục nông thôn																											
1.6	Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn																											
1.7	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn																											
1.8	Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại làng nghề																											

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao					Kết quả huy động nguồn vốn trong giai đoạn 5 năm (từ đầu giai đoạn đến năm thực hiện báo cáo)										Kết quả phân bổ và sử dụng nguồn vốn huy động trong giai đoạn 5 năm (từ đầu giai đoạn đến năm thực hiện báo cáo)										Ghi chú				
		Tổng cộng	Trong đó:					Tổng cộng	Trong đó:										Tổng cộng	Trong đó:											
			NSNN						NSNN											NSNN											
			NSTW						NSDP					Vốn huy động	Vốn tăng gộp	Vốn vay	NSTW					NSDP						Vốn huy động	Vốn tăng gộp	Vốn vay	
			ĐTPT			SN			TP CP	ĐTPT			SN				TP CP	ĐTPT			SN		TP CP								
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Trong nước	Ngoài nước			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước					Trong nước		Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước									
1.9	Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, cải thiện năng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân																														
1.10	Giữ vững quốc phòng an ninh và trật tự xã hội nông thôn																														
1.11	Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng nông thôn mới																														
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững																														
2.1	Chương trình 30a																														
a	Hỗ trợ đầu tư CS HT huyện nghèo																														
b	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo																														
c	Phát triển sản xuất, ĐDHSC và NRMH giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển																														

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 5 năm được cấp có thẩm quyền giao					Kết quả huy động nguồn vốn trong giai đoạn 5 năm (từ đầu giai đoạn đến năm thực hiện báo cáo)										Kết quả phân bổ và sử dụng nguồn vốn huy động trong giai đoạn 5 năm (từ đầu giai đoạn đến năm thực hiện báo cáo)										Ghi chú		
		Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó:							Tổng cộng	Trong đó:													
			NSNN					NSNN								NSNN													
			NSTW					NSDP				Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay		NSTW				NSDP		TP CP	Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay				
			ĐTPT		SN			ĐT PT		SN						ĐTPT		SN											
			Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	TP CP		Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	ĐT PT	SN	TP CP	Trong nước		Ngoài nước	Trong nước	ĐT PT	SN	TP CP	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	ĐT PT	SN	TP CP		Trong nước	Ngoài nước
d	Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài																												
2.2	Chương trình 135																												
a	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản DBKK																												
c	Phát triển sản xuất, ĐĐHSK và NRMH giảm nghèo trên địa bàn các xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản DBKK																												
d	Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã DBKK, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản DBKK																												
2.3	Phát triển sản xuất, ĐĐHSK và NRMH giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135																												
2.4	Truyền thông và giám sát về thông tin																												
2.5	Nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá thực hiện Chương trình																												

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020

[illegible]